

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIGLACERA HÀ NỘI
VIGLACERA HANOI
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: ~~4.4~~/BC-VIH
No:/BC-VIH

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021
Hanoi, day month 02 year 2021

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year: 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Các cổ đông công ty cổ phần Viglacera Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange
- Shareholders of Viglacera Hanoi Joint Stock Company.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*: Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 0100774247
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 56.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 56.000.000.000 VND
- Địa chỉ/*Address*: Tầng 15 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Số điện thoại/*Telephone*: 0222 3689 234
- Số fax/*Fax*: 0222 3689 189

- Website: www.viglacerahanoi.com.vn/
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): VIH
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tiền thân là Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội.

Tháng 2 năm 1994, Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội khởi công xây dựng lắp đặt thiết bị để sản xuất gạch ốp lát tráng men cao cấp với số vốn đầu tư trên 60 tỷ đồng, công suất 1.000.000 m²/năm tại xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm – Hà Nội.

Lần đầu tiên tại Việt Nam, Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội đã nhập khẩu chuyên giao công nghệ và thiết bị tiên tiến của ITALIA để sản xuất gạch ceramic cao cấp.

Ngày 19/5/1998 Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội được đổi tên thành Công ty gạch ốp lát Hà Nội.

Tháng 9 năm 2002 Công ty tiếp nhận Nhà máy Gạch Hải Dương theo quyết định số 3790/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đến thời điểm này, Công ty gạch ốp lát Hà Nội có hai Nhà máy: Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội, Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương và đầu tư nâng công suất lên 5.500.000 m²/năm.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về quy hoạch Đô thị, tháng 2 năm 2006 Công ty di chuyển Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội đến khu Công nghiệp Huyện Yên Phong – Tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 18/4/2008 Bộ xây dựng có quyết định số 558/QĐ-BXD đổi tên Công ty gạch ốp lát Viglacera Hà Nội thành Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội; kể từ ngày 02/5/2008 Công ty gạch ốp lát Viglacera Hà Nội chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội với mức vốn điều lệ 28 tỷ đồng.

Năm 2017, nhằm đáp ứng nhu cầu về chất lượng, số lượng ngày càng tăng của thị trường, Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã đầu tư thêm Dây chuyền sản xuất gạch bán sứ công suất 2,5 triệu m²/năm tại Nhà máy Viglacera Yên Phong. Việc đầu tư đã góp phần nâng tổng sản lượng sản xuất của Công ty lên 10 triệu m²/năm, đa dạng hơn các mẫu mã chủng loại sản phẩm tăng năng lực cạnh tranh và khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Tháng 10 năm 2018 nhằm huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ của Công ty từ 28 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng.

Trải qua hơn 20 năm sản xuất kinh doanh, Công ty đã từng bước phát triển vững chắc, sản phẩm của công ty đã được khách hàng trong nước và nhiều nước trên thế giới tín nhiệm, ưa chuộng.

- Các sự kiện khác/ Other events:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Sản xuất kinh doanh các loại gạch ốp lát ceramic, porcelain các loại.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

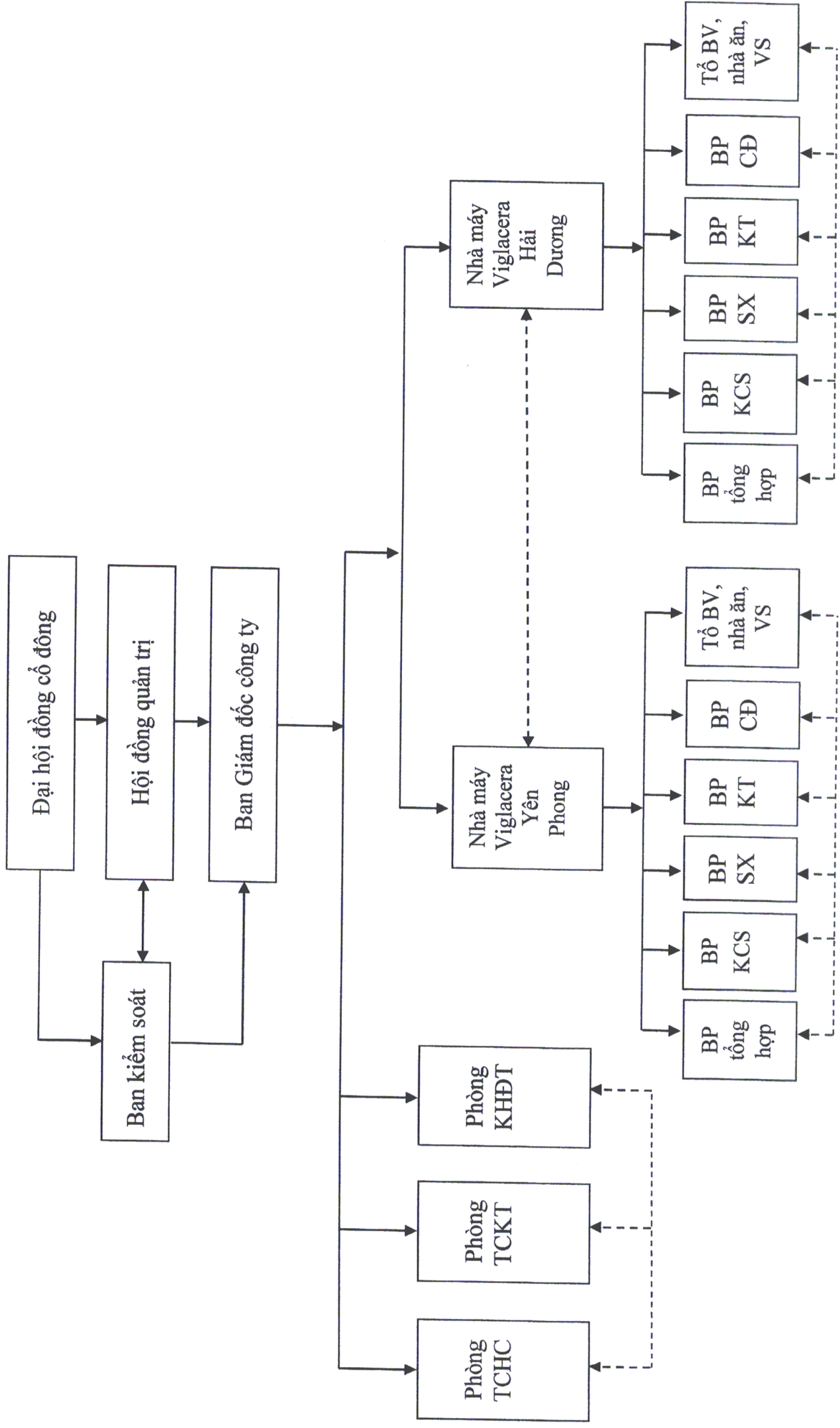
Miền Bắc, miền Trung, miền Nam, Xuất khẩu.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội tổ chức quản lý và hoạt động theo một mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.



- Trực tiếp
- - - - - Gián tiếp
- ← - - - - - Phối hợp

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

❖ Tên công ty: **Công ty cổ phần Thương mại Viglacera**

Vốn điều lệ: 28.4 tỷ đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0103022396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 14/02/2008.

Trụ sở chính: Tầng 01, Toà nhà Viglacera Tower, Mễ Trì, Nam Từ Liêm - Hà Nội

Số điện thoại: 0243 5537846

Fax: 0243 5537648

Ngành nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- + Kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng máy móc, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấp), phụ gia phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng;
- + Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ ăn uống, giải khát; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách sạn du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng Karaoke, vũ trường);
- + Đào tạo ngoại ngữ, tin học, đào tạo dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Sản xuất và mua bán các mặt hàng: gia dụng, linh kiện, thiết bị, các mặt hàng điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, tin học; đồ điện dân dụng; thiết bị văn phòng; máy tính, các thiết bị mạng và phần mềm máy tính;
- + Các dịch vụ về quảng cáo, thiết kế phục vụ quảng cáo; in và các dịch vụ liên quan đến in;
- + Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, tuyến cố định;
- + Kinh doanh đại lý xăng, dầu, gas;
- + Sản xuất, mua bán ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy;
- + Tư vấn du học;
- + Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, phiên dịch, dịch vụ dịch thuật, dịch vụ làm visa, hộ chiếu; Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- + Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả, thu đổi ngoại tệ, đại lý bảo hiểm;
- + Tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- + Sản xuất, mua bán và gia công các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;
- + Mua bán lương thực, thực phẩm, rượu, bia các loại;

- + Sản xuất và mua bán các loại bánh kẹo, đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết);
- + Đại diện cho thương nhân;
- + Quản lý dự án xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- + Xử lý nền móng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải và hạ tầng kỹ thuật;
- + Thi công trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- + Dịch vụ uỷ thác xuất, nhập khẩu; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội góp 3,51% vốn điều lệ (tương đương 1 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty cổ phần Thương mại Viglacera.

❖ Tên Công ty: **Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.**

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0105908818 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2012.

Trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: 024 3543 0726

Fax: 024 3543 0725

Ngành nghề kinh doanh:

- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- + Hoạt động thiết kế chuyên dụng, hoạt động trang trí nội thất
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh

Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội góp 30% vốn điều lệ (tương đương 9 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*: Tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*: Trở thành nhà sản xuất gạch ốp lát hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc đầu tư mở rộng sản xuất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate*

objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability: Phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, sản xuất sản phẩm tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

5. *Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Rủi ro về kinh tế: Căng thẳng thương mại leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư.
- Rủi ro về lãi suất Ngân hàng: Lãi suất cho vay có chiều hướng tăng.
- Rủi ro trong khâu sản xuất: Nguy cơ tiềm ẩn về tai nạn lao động.
- Rủi ro do dịch bệnh: Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên toàn cầu đã làm ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations*

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Hội đồng quản trị Công ty, Ban giám đốc Công ty luôn bám sát mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nhờ đó, doanh thu năm 2020 đạt 565.674 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 15.102 triệu đồng.

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

Năm 2020, trước sự bùng nổ và lan rộng của dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến kinh tế thế giới và Việt Nam, nhưng với sự chỉ đạo sáng suốt của ban lãnh đạo cùng nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty, Công ty đã đứng vững trước đại dịch. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra, doanh thu từ sản phẩm chính đạt 553.600 triệu đồng bằng 102% so với kế hoạch điều chỉnh, lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh đạt 18.000 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

Họ và tên: Lê Tiên Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/01/1979
- Nơi sinh: Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số CCCD: 001079014198 Ngày cấp: 11/03/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 24, ngõ 335 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0987212288
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ | Nơi công tác |
|--------------------|---------------|--|
| 7/2003 – 6/2005 | Đốc công PXSX | Công ty Gạch ốp lát Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội) |
| 7/2005 – 8/2005 | Phó quản đốc | Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương |
| 8/2005 – 5/2007 | Quản đốc PXSX | Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương |
| 5/2007 – 8/2008 | Phó giám đốc | Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương |
| 8/2008 – 11/2008 | Giám đốc | Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương |
| 11/2008 – 5/2011 | Phó giám đốc | Nhà máy Viglacera Yên Phong |
| 5/2011 – 6/2012 | Giám đốc | Nhà máy Viglacera Yên Phong |
| 6/2012 – 4/2013 | Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |
| 4/2013- nay | Giám đốc | Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
 - + Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
- Chức vụ công tác ở Công ty khác:

- + Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long
 - Số cổ phần biểu quyết: 1.057.813 cổ phần (chiếm 18,89%)
- Trong đó:
- + Đại diện phần vốn Tổng công ty Viglacera - CTCP: 896.000 cổ phần (chiếm 16,00%)
 - + Sở hữu cá nhân: 161.813 cổ phần (chiếm 2,89%)
- Những người có liên quan: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

- Họ và tên:** Nguyễn Chí Hòa – Phó giám đốc công ty
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/07/1973
 - Nơi sinh: Lâm Thao, Phú Thọ
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Lâm Thao, Phú Thọ
 - Số CMND: 012950133 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 19/3/2007
 - Địa chỉ thường trú: 8 ngách 40, ngõ 123A, Thụy Khuê, Hà Nội
 - Điện thoại liên lạc: 0904132138
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 - Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ | Nơi công tác |
|-------------------------|-------------------------|--|
| Tháng 8/1994 - 11/1998 | Công nhân sản xuất gạch | Công ty gốm xây dựng Hữu Hưng |
| Tháng 12/1998 - 11/2000 | Kỹ thuật viên | Công ty Gạch ốp lát Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội) |
| Tháng 12/2000- 12/2006 | Kỹ sư | Công ty Gạch ốp lát Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội) |
| Tháng 01/2007 - 5/2008 | Kỹ sư quản đốc | Công ty Gạch ốp lát Viglacera Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội) |
| Tháng 06/2008 - 8/2013 | Quản đốc PXSX | Nhà máy Viglacera Yên Phong - Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |

| | | |
|-----------------------|----------------------|--|
| Tháng 9/2013 – 9/2014 | Phó Giám đốc nhà máy | Nhà máy Viglacera Yên Phong - Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |
| Tháng 10/2014 đến nay | Giám đốc nhà máy | Nhà máy Viglacera Yên Phong - Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |
| Tháng 9/2018 đến nay | Phó giám đốc công ty | Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Phó giám đốc công ty Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội kiêm Giám đốc nhà máy Viglacera Yên Phong
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
 - + Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera
- Số cổ phần nắm giữ: 40.100 cổ phần (chiếm 0,72%)
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 40.100 cổ phần (chiếm 0.72%)
 - + Đại diện phần vốn Tổng công ty Viglacera - CTCP: 0 cổ phần (chiếm 0%)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

- Họ và tên:** **Bùi Thu Hằng - Kế toán trưởng**
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 22/01/1978
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hà Nội
 - Số CCCD: 001178013008 Ngày cấp: 10/04/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
 - Địa chỉ thường trú: Số 20 ngõ 160, Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội.
 - Điện thoại liên lạc: 0983033792
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán
 - Quá trình công tác:

| Thời gian công tác | Chức vụ | Nơi công tác |
|--------------------|-----------------------------|--|
| 11/1999- 10/2007 | Nhân viên kế toán | Công ty Gạch ốp lát Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội) |
| 11/2007- 5/2012 | Phó phòng Tài chính kế toán | Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |
| 6/2012 – 12/2012 | Phó phòng Tài chính kế toán | Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera |
| 12/2012 đến nay | Kế toán trưởng | Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội |

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội

- Chức vụ công tác ở Công ty khác:

+ Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera

- Số cổ phần nắm giữ: 66.200 cổ phần (chiếm 1,18%)

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 66.200 cổ phần (chiếm 1,18%)

+ Đại diện phần vốn Tổng công ty Viglacera - CTCP: 0 cổ phần (chiếm 0%)

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

+ Công ty có 427 cán bộ, công nhân viên được thể hiện cơ cấu theo bảng sau:

| Trình độ chuyên môn | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|------------|-------------|
| 1. Thạc sỹ | 4 | 0,94% |
| 2. Đại học | 34 | 7,96% |
| 3. Cao đẳng, Trung cấp | 43 | 10,07% |
| 4. Công nhân kỹ thuật | 327 | 76,58% |
| 5. Lao động phổ thông | 19 | 4,45% |
| TỔNG CỘNG | 427 | 100% |

+ Chính sách đối với người lao động

Về chế độ tiền lương, tiền thưởng: Công ty thực hiện quy chế trả lương theo đúng quy định của Tổng công ty Viglacera - CTCP, các chế độ phụ cấp theo lương, chế độ ốm đau, thai sản... được thực hiện nghiêm túc, khuyến khích thưởng cho tập thể, cá nhân thông qua cơ chế khoán, phát động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Về quy chế dân chủ: Trong những năm qua, Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động, hàng quý tổ chức đối thoại người lao động từ đó có kế hoạch cho các cá nhân và bộ phận giải quyết mọi thắc mắc, đề xuất đúng của người lao động.

Về công tác đào tạo: Nguồn nhân lực được lãnh đạo Công ty quan tâm và triển khai một cách liên tục và thường xuyên ở mọi chức danh công việc .

Về công tác bảo hộ lao động, điều kiện làm việc và môi trường cho người lao động: Cải tạo khu vực văn phòng, hệ thống mái che, vách ngăn khu nhà xưởng nhằm tạo môi trường sạch sẽ giảm thiểu bụi trong không khí, giảm bớt nặng nhọc tăng năng suất lao động cho công nhân. Cấp phát bảo hộ lao động cho công nhân theo đặc tính công việc của từng công đoạn theo đúng kỳ hạn. Công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ được quan tâm đúng mức, kịp thời.

Ngoài ra công ty còn chăm lo về đời sống cho CBCNV như: tổ chức tham quan, nghỉ mát; tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 01/6, các cháu có thành tích xuất sắc trọng học tập; tổ chức hoạt động giao lưu gặp gỡ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, nhà thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10, phát động phong trào TDTT, VHVN...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên

kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera và Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera nên kết quả kinh doanh có một số chỉ tiêu chưa đạt được kế hoạch đề ra.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/ Year 2019 | Năm/ Year 2020 | % tăng giảm/ % change |
|--|-----------------|-----------------|-----------------------|
| <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset | 420.167.502626 | 407.209.497.476 | -3% |
| Doanh thu thuần/Net revenue | 569.112.754.778 | 556.691.072.248 | -2% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from business activities | 36.359.644.532 | 21.322.955.208 | -41% |
| Lợi nhuận khác/Other profits | -14.821.719.719 | -6.220.545.469 | -58% |
| Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax | 21.537.924.813 | 15.102.409.739 | -30% |
| Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax | 15.080.547.651 | 12.458.599.935 | -17,4% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio | 0,37 | | |
| <i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset value | | | |
| Doanh thu/Revenus | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/After tax profit | | | |

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/ Year 2019 | Năm/ Year 2020 | Ghi chú/Note |
|--|---------------------------|---------------------------|---------------------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) | 0,73 | 0,69 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> | | | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho | | | |
| Nợ ngắn hạn | 0,23 | 0,18 | |
| <i>Short term Asset - Inventories</i> | | | |
| <i>Short term Debt</i> | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) | 0,82 | 0,80 | |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>) | 4,62 | 4,06 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) | 3,80 | 3,38 | |
| + Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover:</i> | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>) | 1,35 | 1,37 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) | 0,0265 | 0,0224 | |

| | | | |
|---|--------|--------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) | 0,2018 | 0,1548 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) | 0,0359 | 0,0306 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>) | 0,06 | 0,04 | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/ Year 2019 | Năm/ Year 2020 | Ghi chú/Note |
|--|-------------------|-------------------|--------------|
| 1. Quy mô vốn/ Capital size | | | |
| - Vốn điều lệ/ Charter Capital | | | |
| Tổng tài sản có/ Total assets | | | |
| Tỷ lệ an toàn vốn/ Capital adequacy ratio | | | |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results | | | |
| Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits | | | |
| Doanh số cho vay/ Lendings | | | |
| Doanh số thu nợ/ Debt collection | | | |
| Nợ quá hạn/ Overdue debts | | | |
| Nợ khó đòi/ Bad debt | | | |
| Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio | | | |
| Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ Overdue debts/ Total debt Ratio | | | |
| Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ Bad debt/ Total debt Ratio | | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| 3. Khả năng thanh khoản/Solvency | | | |
| Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency | | | |
| Khả năng thanh toán chung/ General solvency | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 5.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

(Theo danh sách tại thời điểm gần nhất là 31/12/2020)

🏰 Cơ cấu cổ đông:

| Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Cổ đông trong nước | 377 | 5.599.970 | 99,99946% |
| Cá nhân | 376 | 2.714.000 | 48,99946% |
| Tổ chức | 1 | 2.856.000 | 51% |

| | | | |
|---------------------------|------------|------------------|-----------------|
| Cổ đông nước ngoài | 1 | 30 | 0,00054% |
| Cá nhân | 0 | 0 | 0% |
| Tổ chức | 1 | 30 | 0,00054% |
| Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0% |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0% |
| Tổng cộng | 378 | 5.600.000 | 100% |

🌳 Danh sách cổ đông lớn:

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------------|------------------|---------------|
| 1 | Tổng công ty Viglacera - CTCP | 2.856.000 | 51% |
| 2 | Đình Quang Huy | 282.968 | 5,05% |
| 3 | Nguyễn Thế Mạnh | 319.268 | 5,7% |
| 4 | Nguyễn Minh Tuấn | 593.000 | 10,59% |
| | Tổng cộng | 4.051.236 | 72,34% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:
 Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Từ khi thành lập Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã tăng vốn cổ phần 01 lần bằng hình thức Chào bán cổ phiếu ra công chúng, cụ thể:

- + Ngày bắt đầu chào bán cổ phiếu: 12/09/2018
- + Ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu: 30/10/2018
- + Số lượng chứng khoán chào bán: 2.800.000 cổ phiếu
- + Tổng giá trị vốn huy động: 28.000.000.000 đồng
- + Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

Không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát

hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/
Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh công tác giám sát kiểm soát ô nhiễm môi trường định kỳ theo quy định của Nhà nước. Vì vậy, các chỉ tiêu khí thải, tiếng ồn, nhiệt độ môi trường làm việc của Công ty luôn trong tiêu chuẩn cho phép. Tuy nhiên, Công ty chưa có báo cáo thống kê Tổng lượng phát thải khí nhà kính.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

Nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính, Công ty đã áp dụng các biện pháp như cải tiến kỹ thuật hệ thống trạm khí hóa than, hệ thống truyền dẫn khí hóa than đến lò nung nhằm tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu nhiên liệu tiêu hao giảm lượng khí CO₂ sinh ra, đầu tư mới hệ thống lò nung sử dụng khí LPG thay thế cho hệ thống trạm than, trồng cây xanh xung quanh khuôn viên các nhà máy...

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất gạch ceramic chủ yếu là Cao lanh, đất sét, Feldspar, men, màu và các chất phụ gia khác. Công ty luôn kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, đảm bảo dự trữ nguồn nguyên liệu ổn định từ 6 tháng đến 1 năm sản xuất. Khối lượng nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất là khoảng 233.700 tấn/năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Công ty không có nguyên vật liệu tái chế được sử dụng lại.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Nhiên liệu chủ yếu dùng trong sản xuất gạch ceramic tại hai Nhà máy của Công

ty là than đá tạo khí than nung sậy gạch ceramic, khí hóa lỏng LPG sử dụng cho lò sấy, nung trong dây chuyền SX.

Năng lượng điện được sử dụng để vận hành các máy móc thiết bị sản xuất trên dây chuyền, chiếu sáng phục vụ sản xuất...

Dầu DO được sử dụng cho hệ thống máy phát điện dự phòng và hệ thống các thiết bị

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Để thực hiện chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng với mục đích tiết kiệm chi phí và cả tiết kiệm tài nguyên quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường, trong năm Công ty đã có các sáng kiến tiết kiệm năng lượng như:

- Thay thế các bóng đèn huỳnh quang bằng các bóng đèn LED chiếu sáng phục vụ cho sản xuất.

- Quán triệt, xây dựng cho cán bộ, công nhân viên thói quen tiết kiệm điện.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Nhờ thực hiện việc thay thế bóng đèn huỳnh quang bằng các bóng đèn LED giúp tiết kiệm năng lượng 60% so với trước khi thay thế, ánh sáng đèn đều và không bị nhấp nháy cho người sử dụng không bị mỏi mắt, nhiệt lượng tỏa ra thấp, tiện nghi với môi trường, tuổi thọ đèn cao giảm chi phí bảo dưỡng, thay thế.

6.4. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại các nhà máy của Công ty như sau:

Tại Nhà máy Viglacera Hải Dương, Công ty sử dụng nguồn nước sạch của Công ty TNHH MTV KD nước sạch Hải Dương, mức tiêu thụ nước trung bình khoảng 32.250 m³/năm.

Tại Nhà máy Viglacera Yên Phong, Công ty sử dụng nguồn nước Công ty đầu tư phát triển Hạ Tầng Viglacera – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP và một phần nguồn nước ngầm, mức tiêu thụ nước trung bình khoảng 48.300 m³/năm.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Công ty không sử dụng nước tái chế lại.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Công ty có 427 cán bộ, công nhân viên

- Thu nhập bình quân trong năm của lao động: 11.8 triệu đồng/ người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên 1 lần / năm

- Cấp phát bảo hộ lao động theo đặc thù công việc của từng công đoạn sản xuất

- Đào tạo, hướng dẫn về công tác ATLĐ, PCCN, phòng chống lụt bão

- Cải tạo khu văn phòng, nhà xưởng tạo môi trường trong sạch giảm thiểu bụi trong không khí

- Chế độ phụ cấp hỗ trợ thêm cho người lao động: điện thoại, trách nhiệm, tổ chức bữa ăn ca...

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Số giờ đào tạo cho cán bộ công nhân viên Công ty trong năm như sau:

✦ **Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân:**

+ Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề công đoạn sản xuất hồ xương: 40 giờ

+ Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề công đoạn sản xuất men trang trí: 40 giờ

+ Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề công đoạn nung sản phẩm: 40 giờ

✦ **Đào tạo quản trị sản xuất:**

+ Quản trị hiệu suất lao động (Phụ trách, nhân viên quản lý): 8 giờ

+ Quản trị chất lượng (Phụ trách, nhân viên quản lý): 8 giờ

🌱 Đào tạo an toàn vệ sinh lao động:

- + Nhóm 1 (Người quản lý, phụ trách, người đứng đầu cơ sở SXKD): 16 giờ
- + Nhóm 2 (Người làm công tác an toàn lao động): 48 giờ
- + Nhóm 3 (Người làm việc môi trường độc hại, nguy hiểm): 24 giờ
- + Nhóm 4 (Người lao động không thuộc các nhóm trên): 16 giờ
- + Nhóm 5 (Người làm công tác y tế): 60 giờ
- + Nhóm 6 (An toàn vệ sinh viên): 6 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

- + Chương trình đào tạo quản trị sản xuất
- + Chương trình đào tạo nâng cao tay nghề
- + Chương trình đào tạo an toàn vệ sinh lao động

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty luôn chú trọng các hoạt động phát triển cộng đồng như:

- Ủng hộ bằng tiền cho Hội khuyến học, Hội người nghèo...
- Ủng hộ bằng hiện vật: ủng hộ gạch để tu sửa cải tạo nhà chùa, trường học...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Không có

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt

của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Năm qua, tuy còn những khó khăn, thách thức đối nhất là sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhưng với tinh thần đoàn kết và sự nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Kết quả năm 2020, Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Nhà máy Viglacera Yên Phong đã đầu tư mới hệ thống máy mài cạnh và hệ thống máy đóng gói tự động cho dây chuyền sản xuất số 2 giúp nâng cao chất lượng, chủng loại sản phẩm, giảm hao hụt trong quá trình sản xuất.

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của Công ty là 407.209 triệu đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 195.438 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2019, tổng tài sản giảm 3% tương ứng 12.958 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn giảm 18.166 triệu đồng so với năm 2019 trong đó hàng tồn kho giảm 3.059 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng nợ phải trả của Công ty là 326.715 triệu đồng, chiếm 80% tổng nguồn vốn. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 86,8% tổng nợ và nợ dài hạn là 13,2% tổng nợ. So với cùng kỳ năm 2019, Nợ phải trả giảm 5% tương ứng

18.735 triệu đồng, nợ ngắn hạn giảm 10.385 triệu đồng.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Không có

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

Công ty thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức, sắp xếp định biên lao động theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future*

Trở thành doanh nghiệp nằm trong Top những doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát hàng đầu Việt Nam

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

Một số khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn chưa được đối chiếu, xác nhận với tổng số tiền 7,79 tỷ đồng được nêu trong Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đây là khoản công nợ đã phát sinh từ những năm trước nhưng chúng tôi chưa thanh toán cho đối tác, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2020, chúng tôi không còn liên hệ được với các đối tác này hoặc có liên hệ được nhưng đối tác không tích cực hỗ trợ trong việc phản hồi thư xác nhận. Các khoản công nợ trên không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nêu trong báo cáo tài chính năm 2020.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định về môi trường, Công ty có các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định, pháp luật của Nhà nước về trong toàn thể cán bộ công nhân viên, hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, góp phần cải tạo môi trường.

Hàng năm, Công ty tiến hành thuê các đơn vị có năng lực, uy tín thực hiện quan trắc, đo kiểm môi trường lao động, kết quả quan trắc đều cho thấy các chỉ số về môi trường tốt trong giới hạn cho phép.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một chính sách nhất quán xuyên suốt hoạt động của Công ty với rất nhiều chính sách, hoạt động khác nhau, gần đây nhất là chương trình ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt...trên cả nước, Ủng hộ bằng tiền cho Hội khuyến học, Hội người nghèo, ủng hộ bằng hiện vật: ủng hộ gạch để tu sửa cải tạo nhà chùa, trường học... Công ty không ngừng nâng cao ý thức “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa” của cán bộ công nhân viên Công ty đối với những người có công với tổ quốc thông qua các hoạt động nhân ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 hằng năm và trong các dịp lễ, Tết, v.v...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã định hướng cho Công ty tập trung nâng cao chất lượng, ổn định sản xuất phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, cung cấp cho thị trường sản phẩm tốt, mẫu mã đẹp, khẳng định thành công của việc tái cơ cấu, sự đoàn kết gắn bó, tập trung cao độ của toàn bộ CBCNV Công ty. Do luôn bám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời trực tiếp chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

Được sự chỉ đạo và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm nên Ban giám đốc đã luôn cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Tăng trưởng bền vững, phát huy các dây chuyền hiện có.

- Đào tạo và tăng năng suất lao động
- Xây dựng chuỗi cung ứng chất lượng
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh
- Đưa chất lượng sản phẩm và mẫu mã vượt các đối thủ cạnh tranh, tiên phong môi trường SX công nghệ xanh.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội gồm có các thành viên:

- Ông: Quách Hữu Thuận - Chủ tịch Hội đồng quản trị sở hữu 0 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 0% tổng số cổ phần.
- Ông: Đinh Quang Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị không điều hành sở hữu 282.968 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 5,05% tổng số cổ phần.
- Ông: Lê Tiến Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty sở hữu 161.813 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 2,9% tổng số cổ phần.
- Bà: Cao Thị Nhung - Ủy viên Hội đồng quản trị không điều hành sở hữu 0 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 0% tổng số cổ phần.
- Ông: Đoàn Hải Mậu - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập sở hữu 0 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 0% tổng số cổ phần (Bắt đầu là Ủy viên HĐQT từ 18/03/2020)
- Ông: Nguyễn Văn Lý - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập sở hữu 0 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 0% tổng số cổ phần (Miễn nhiệm Ủy viên HĐQT từ 18/03/2020)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

- Định hướng cho Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá tình hình thực hiện, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đề ra mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ cho các kỳ kinh doanh tiếp theo.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tiến hành 15 cuộc họp, cụ thể như sau:

| Stt No. | Số No. | Ngày Date | Nội dung Content | Tỷ lệ thông qua Approval rate |
|---------|---------------|------------|---|-------------------------------|
| 1 | 01.1/VIH-HĐQT | 09/01/2020 | Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV, lũy kế năm 2019 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 | 100% |
| 2 | 01/VIH-HĐQT | 11/02/2020 | Xin ý kiến biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |
| 3 | 02/VIH-HĐQT | 15/02/2020 | Thông qua việc điều chỉnh loại cổ phần từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng | 100% |
| 4 | 03/VIH-HĐQT | 16/03/2020 | Thông qua xin ý kiến các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |
| 5 | 01.2/VIH-HĐQT | 15/04/2020 | Thông qua việc vay vốn tại ngân hàng Agribank Hà Nội | 100% |
| 6 | 11/VIH-HĐQT | 05/05/2020 | Thông qua việc thuê tài chính Kênh đầu in KTS, Máy phun men cao áp, Máy tráng men, Máy rắc hạt, Máy hút bụi chân không | 100% |
| 7 | 12/VIH-HĐQT | 18/05/2020 | Thông qua việc thuê tài chính Dây chuyền men | 100% |
| 8 | 13/VIH-HĐQT | 19/05/2020 | Vay vốn ngân hàng HDBank | 100% |
| 9 | 13.1/VIH-HĐQT | 19/05/2020 | Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 | 100% |
| 10 | 14/VIH-HĐQT | 22/06/2020 | Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng BIDV | 100% |
| 11 | 16/VIH-HĐQT | 06/08/2020 | Thông qua việc trả cổ tức năm 2019 bằng tiền | 100% |
| 12 | 18/VIH-HĐQT | 10/08/2020 | Thông qua việc sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thành Đông (BIDV Thành Đông) | 100% |

| | | | | |
|----|-------------|------------|---|------|
| 13 | 20/VIH-HĐQT | 11/08/2020 | Thông qua Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty | 100% |
| 14 | 22/VIH-HĐQT | 15/09/2020 | Biên bản họp v/v khắc phục vốn lưu động rông âm | 100% |
| 15 | 23/VIH-HĐQT | 28/09/2020 | Nghị quyết v/v vay vốn ngân hàng Agribank Thăng Long | 100% |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Ông: Quách Hữu Thuận - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Đinh Quang Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông: Lê Tiến Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông: Đoàn Hải Mậu - Ủy viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội gồm có 3 thành viên:

- Ông Ngô Trọng Toán - Trưởng ban kiểm soát nắm giữ 0 cổ phần chiếm 0% tổng số cổ phần
- Ông Nguyễn Quảng Nam - Thành viên ban kiểm soát nắm giữ 124.570 cổ phần chiếm 2,2% tổng số cổ phần
- Bà Hồ Thị Thủy - Thành viên ban kiểm soát nắm giữ 0 cổ phần chiếm 0% tổng số cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of*

Supervisors/ Audit Committee: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results).

Hoạt động theo Điều lệ hoạt động của Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

- Thù lao cho Hội đồng quản trị
- + Ông Quách Hữu Thuận - Chủ tịch: 60 triệu đồng
- + Ông Đinh Quang Huy - Ủy viên: 36 triệu đồng
- + Ông Lê Tiến Dũng - Ủy viên: 48 triệu đồng
- + Ông Nguyễn Văn Lý - Ủy viên: 9 triệu đồng (Miễn nhiệm từ 18/03/2020)
- + Ông Đoàn Hải Mâu - Ủy viên: 27 triệu đồng
- + Bà Cao Thị Nhung - Ủy viên: 36 triệu đồng
- Thù lao cho Ban Kiểm soát
- + Ông Ngô Trọng Toán - Trưởng Ban: 42 triệu đồng
- + Ông Nguyễn Quảng Nam - Thành viên: 18 triệu đồng
- + Bà Hồ Thị Thủy - Thành viên: 18 triệu đồng
- Tiền lương Giám đốc và các cán bộ quản lý
- + Ông Lê Tiến Dũng – Giám đốc Công ty: 720 triệu đồng
- + Ông Nguyễn Chí Hòa – Phó giám đốc công ty: 600 triệu đồng
- + Bà Bùi Thu Hằng – Kế toán trưởng: 480 triệu đồng

b) *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản*

trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

- Ông Nguyễn Chí Hòa – Phó giám đốc công ty mua 40.100 cổ phiếu, số cổ phần sở hữu sau khi thực hiện giao dịch là 40.100 cổ phần chiếm 0,72% tổng số cổ phần.
- Ông Nguyễn Minh Tuấn mua 469.900 cổ phiếu, số cổ phần sở hữu sau khi thực hiện giao dịch là 593.000 cổ phần chiếm 10,59% tổng số cổ phần.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Số: 040221.001/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội được lập ngày 04 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2020, một số khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn chưa

được đối chiếu, xác nhận với tổng số tiền 7,79 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết theo quy định của hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến kiểm toán đối với vấn đề này và không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đính kèm..

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biễn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Thị Thanh Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2888-2020-002-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the

parent company to be published and provided).

Toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội được công bố tại website: www.viglacerahanoi.com.vn/

Nơi nhận:

Recipients:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước /The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch chứng khoán /The Stock Exchange;
- Lưu: TCKT.
- Archived: Accounting department.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Lê Tiến Dũng